

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Công tác Thanh thiếu niên

Trình độ đào tạo: Đại học hệ chính quy

Ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Cử nhân Công tác Thanh thiếu niên

+ Tên tiếng Anh: Youth Work

Mã ngành đào tạo: 7760102

Loại hình đào tạo: Chính quy

Đơn vị cấp bằng: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

Khoa phụ trách: Khoa Công tác Thanh thiếu niên

Tên gọi văn bằng:

+ Tên tiếng Việt: Cử nhân Công tác Thanh thiếu niên

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Bachelor Youth Work

Các chương trình đã đối sánh:

Thời gian đào tạo: 3 - 4 năm (tối đa 6 năm)

Ngày phát hành, chỉnh sửa chương trình đào tạo: tháng 08/2023

Nơi phát hành: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo đội ngũ cử nhân có trình độ chuyên môn bậc đại học về chuyên ngành Công tác thanh thiếu niên có khả năng thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành, tổ chức hoạt động thanh thiếu niên chuyên nghiệp ở các cấp, các ngành trong lĩnh vực xã hội, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác Đoàn phong trào thanh thiếu niên và xã hội; đồng thời có thể tự học để nâng cao trình độ hoặc tiếp tục được đào tạo ở trình độ sau đại học.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Cung cấp cho người học kiến thức chung về khoa học xã hội và nhân văn, bản chất của công tác thanh thiếu niên, vai trò của công tác thanh thiếu niên trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Rèn luyện và phát triển kỹ năng trong tổ chức, thực hiện, phát triển phong trào của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các tổ chức thanh niên Việt Nam: kỹ năng lập kế hoạch; kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu nhi như diễn

đàn, đối thoại, hội thảo, triển lãm, gây quỹ, tài trợ, họp báo; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm; kỹ năng tổng hợp, phân tích và xử lý tình huống trong tổ chức hoạt động Đoàn, Hội, Đội; kỹ năng, nắm bắt, định hướng dư luận xã hội trong thanh niên; kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

- Giúp sinh viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nắm vững những kiến thức lý luận cơ về thanh niên, công tác thanh niên, các tổ chức thanh niên; có đạo đức tác phong của người cán bộ cách mạng, ý thức kỷ luật tốt, tinh thần trách nhiệm cao, say mê nghề nghiệp và có mối quan hệ chặt chẽ gắn bó mật thiết với quần chúng nhân dân.

- Đảm bảo sinh viên có tri thức vững vàng về các phương pháp tập hợp, đoàn kết thanh thiếu niên và biết cách tận dụng các phương pháp này trong quá trình làm công tác thanh thiếu niên.

- Đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp đạt được trình độ nghiệp vụ, kiến thức xã hội và kiến thức nghề nghiệp đủ để hoạt động và công tác có hiệu quả các vị trí như: cán bộ Đoàn, Hội, Đội các cấp, cán bộ làm công tác xã hội, cán bộ Đoàn chuyên trách tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, Doanh nghiệp Nhà nước, tư nhân; cán bộ Đoàn Thanh niên, giáo viên Tổng phụ trách tại các hệ thống trường cấp 1, 2, 3 hoặc Liên cấp công lập, tư thục; cán bộ Hội đồng Đội (Đội TNTP Hồ Chí Minh) từ trung ương đến địa phương; nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy và hoạt động thực tiễn tại các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng liên quan thanh thiếu niên; cán bộ/chuyên viên, chuyên gia đào tạo kỹ năng cho các trung tâm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên; chuyên viên truyền thông, tổ chức sự kiện tại các công ty, đơn vị truyền thông và tổ chức sự kiện; người dẫn chương trình, biên đạo múa, dàn dựng chương trình nghệ thuật cho thanh niên và thiếu nhi.

- Trang bị cho người học kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực ở trình độ cao hơn.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

3.1. Mục tiêu kiến thức

PO1 (CĐR1). Áp dụng được hệ thống kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của Nhà nước để học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời.

PO2 (CĐR2). Vận dụng hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học, như chính trị học, xây dựng Đảng, pháp luật, văn hóa, xã hội, văn hóa, ngôn ngữ, tâm lý, công tác xã hội, quản lý nhà nước...

PO3 (CĐR3). Áp dụng được các quan điểm lý luận về công tác thanh thiếu niên; xác định điều kiện ra đời, các phong trào và truyền thống của tổ chức Đoàn, Hội, Đội. Các vấn đề trong lý luận và thực tiễn xây dựng tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh và các tổ chức thanh niên.

PO4 (CĐR4). Vận dụng được các phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho thanh thiếu nhi trong các hoạt động nghề nghiệp. Xác định được nội dung, hình thức và nguyên tắc trong quản lý nhà nước về công tác thanh thiếu nhi.

PO5 (CĐR5). Áp dụng các phương pháp nắm bắt và định hướng dư luận xã hội trong thanh niên, các phương pháp công tác Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong quá trình xây dựng xây dựng mô hình phát triển phong trào thanh thiếu nhi. Đồng thời xây dựng được hệ thống thu thập và phân tích thông tin chuyên nghiệp.

PO6 (CĐR6). Phân tích và vận dụng phù hợp, sáng tạo các phương pháp giáo dục, đoàn kết tập hợp thanh niên, kiểm tra, giám sát trong tổ chức nghề nghiệp.

3.2. Mục tiêu kỹ năng

PO7 (CĐR7). Kỹ năng lãnh đạo quản lý; kỹ năng tham mưu, phối hợp tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên.

PO8 (CĐR8). Kỹ năng thu thập, phân tích, xử lý thông tin; thực hiện các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng; sử dụng các phần mềm để phân tích số liệu thống kê; ứng dụng nghiên cứu trong thực tiễn công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi.

PO9 (CĐR9). Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động thanh thiếu niên.

PO10 (CĐR10). Kỹ năng thiết kế và tổ chức chức sự kiện, các hoạt động để tập hợp, đoàn kết và giáo dục thanh thiếu nhi.

PO11 (CĐR11). Kỹ năng kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng, hiệu quả khi thực hiện các hoạt động, kế hoạch xây dựng mô hình và phát triển phong trào thanh niên..

PO12 (CĐR12). Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 20/02/2014;

PO13 (CĐR13). Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014.

3.3. Mục tiêu tự chủ và trách nhiệm

PO14 (CĐR14). Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

PO15 (CĐR15). Năng lực lãnh đạo, quản lý, định hướng trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành Công tác Thanh thiếu niên; thể hiện tinh thần khởi nghiệp hoặc học tập nâng suất đời.

PO16 (CĐR16). Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, thích nghi với các môi trường công việc khác nhau.

3.4. Mục tiêu về thái độ

PO17 (CĐR17). Trung thành với tổ quốc; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức về trách nhiệm công dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; có đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên ngành Công tác Thanh thiếu niên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các công việc ở các cơ quan, tổ chức sau đây:

- Làm việc trong hầu hết các cơ quan nhà nước bao gồm: Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các Sở, Ban ngành ...

- Làm việc trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội – nghề nghiệp; tổ chức xã – hội nghề nghiệp như: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên, Liên đoàn lao động, Liên minh hợp tác xã Việt Nam ...

- Làm việc tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, trường THPT, trường THCS.

- Làm công tác nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục; Trung tâm chính trị; Trung tâm huấn luyện, bồi dưỡng.

- Học tập nghiên cứu ở trình độ thạc sỹ, tiến sỹ trong và ngoài nước cùng ngành hoặc ngành gần đáp ứng được nhu cầu phát triển nghề nghiệp.

5. Mức độ đạt được của chuẩn đầu ra

Mã hoá	Chuẩn đầu ra	Mức độ
PLO1	Áp dụng được hệ thống kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của Nhà nước để học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời.	3/6
PLO2	Vận dụng hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học, như chính trị học, xây dựng Đảng, pháp luật, văn hóa, xã hội, văn hóa, ngôn ngữ, tâm lý, công tác xã hội, quản lý nhà nước...	3/6
PLO3	Áp dụng được các quan điểm lý luận về công tác thanh thiếu niên; xác định điều kiện ra đời, các phong trào và	3/6

	truyền thống của tổ chức Đoàn, Hội, Đội. Các vấn đề trong lý luận và thực tiễn xây dựng tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh và các tổ chức thanh niên.	
PLO4	Vận dụng được các phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho thanh thiếu nhi trong các hoạt động nghề nghiệp. Xác định được nội dung, hình thức và nguyên tắc trong quản lý nhà nước về công tác thanh thiếu nhi.	3/6
PLO5	Áp dụng các phương pháp nắm bắt và định hướng dư luận xã hội trong thanh niên, các phương pháp công tác Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong quá trình xây dựng xây dựng mô hình phát triển phong trào thanh thiếu nhi. Đồng thời xây dựng được hệ thống thu thập và phân tích thông tin chuyên nghiệp.	3/6
PLO6	Phân tích và vận dụng phù hợp, sáng tạo các phương pháp giáo dục, đoàn kết tập hợp thanh niên, kiểm tra, giám sát trong tổ chức nghề nghiệp.	3/5
PLO7	Kỹ năng lãnh đạo quản lý; kỹ năng tham mưu, phối hợp tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên.	3/5
PLO8	Kỹ năng thu thập, phân tích, xử lý thông tin; thực hiện các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng; sử dụng các phần mềm để phân tích số liệu thống kê; ứng dụng nghiên cứu trong thực tiễn công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi.	3/5
PLO9	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động thanh thiếu niên.	3/5
PLO10	Kỹ năng thiết kế và tổ chức chức sự kiện, các hoạt động đề tập hợp, đoàn kết và giáo dục thanh thiếu nhi.	4/5
PLO11	Kỹ năng kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng, hiệu quả khi thực hiện các hoạt động, kế hoạch xây dựng mô hình và phát triển phong trào thanh niên.	4/5
PLO12	Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 20/02/2014;	4/5
PLO13	Có kiến thức đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014.	4/5

PLO14	Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.	4/5
PLO15	Năng lực lãnh đạo, quản lý, định hướng trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành Công tác Thanh thiếu niên; thể hiện tinh thần khởi nghiệp hoặc học tập nâng suất đời.	4/5
PLO16	Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, thích nghi với các môi trường công việc khác nhau.	4/5

6. Khối lượng kiến thức toàn khoá:

Chương trình đào tạo toàn khóa là 120 tín chỉ, trong đó 109 tín chỉ bắt buộc, 11 tín chỉ tự chọn, chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng an ninh (8 tín chỉ).

7. Đối tượng tuyển sinh:

Theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp được thực hiện theo các quy chế, quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

9. Phương pháp dạy - học

Nhiều phương pháp được áp dụng trong quá trình đào tạo như:

- Phương pháp thuyết giảng
- Phương pháp bài tập
- Phương pháp làm việc nhóm
- Phương pháp thảo luận
- Phương pháp nghiên cứu tình huống
- Phương pháp thực hành
- Phương pháp pháp vấn
- Phương pháp thực tập tại các cơ sở

10.Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

11. Nội dung chương trình đào tạo:

11.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

STT	Khối lượng học tập	Tổng tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
1	Kiến thức giáo dục đại cương (không kể: Giáo dục thể chất và Giáo dục QP-AN)	38	28	10
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm:	72		
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	38	25	13
2.2	Kiến thức chuyên ngành	34	15	19
2.3	Kiến thức tự chọn	11	6	5
2.4	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
2.5	Khóa luận tốt nghiệp/môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	6	0
Tổng cộng		120	74	46

11.2. Khối lượng các học phần

11.2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
Các học phần giáo dục đại cương bắt buộc			34	25	9
1	CT1101	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
2	CT1102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0
3	CT1103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	CT1104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	CT1105	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
6	XH1106	Tâm lý học đại cương	2	2	0
7	XH1107	Xã hội học đại cương	2	2	0
8	TN1108	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
9	L1109	Pháp luật đại cương	2	1	1
10	CB1110	Thống kê trong khoa học xã hội	2	1	1

11	CT1111	Khởi nghiệp trong thanh niên	2	2	0
12	CB1112	Tin học đại cương	3	1	2
13	CB1113	Tiếng Anh 1	3	2	1
14	CB1114	Tiếng Anh 2	3	1	2
15	CT1109	Khoa học quản lý	2	2	0
Các học phần giáo dục đại cương tự chọn			4	2	2
16	XH1119	Giới và phát triển	2	1	1
17	CB1117	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2	0
18	CB1118	Vũ quốc tế	2	0	2
19	CT1119	Mỹ học Mác-Lênin	2	2	0
20	CT1120	Logic học đại cương	2	2	0

Ghi chú: - Không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục QP-AN;
- Điểm các học phần tiếng Anh 1, tiếng Anh 2, Tin học đại cương; Giáo dục thể chất, Giáo dục QP- AN không tính vào điểm trung bình học tập.

11.2.Kiến thức cơ sở ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bổ TC	
				LT	TH
Các học phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			31	22	9
21	TN12021	Lý luận chung về công tác thanh thiếu niên	3	3	0
22	CT12022	Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị	2	2	0
23	TL1223	Tâm lý học phát triển	2	1	1
24	TN12024	Lịch sử Đoàn, Hội, Đội và phong trào thanh thiếu nhi	3	3	0
25	TN12025	Kỹ năng truyền thông	2	1	1
26	TN12026	Quản lý nhà nước về công tác thanh thiếu niên	3	3	0
27	TN12027	Xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	4	3	1

28	CC12028	Tổ chức sự kiện	3	1	2
29	TN12029	Xây dựng các tổ chức thanh niên	2	1	1
30	TN12030	Xây dựng Đội TNTP Hồ Chí Minh	2	1	1
31	TN13031	Kỹ năng thuyết trình	2	1	1
32	TN12032	Giáo dục kỹ năng sống cho thanh thiếu nhi	3	1	2
33	TN12033	Phương pháp nắm bắt, định hướng dư luận xã hội thanh niên	2	2	0
Các học phần kiến thức cơ sở ngành tự chọn			5	2	3
34	TN12034	Âm nhạc đại cương	2	1	1
35	TN12035	Múa hát tập thể	3	1	2
36	CC12036	Quản trị thông tin và xử lý khủng hoảng truyền thông	2	2	0

11.3. Kiến thức chuyên ngành

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số TC	Phân bổ TC	
				LT	TH
Các học phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc			32	13	19
37	CB13035-TN	Tiếng Anh 3	2	1	1
38	TN13036	Phương pháp công tác Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	3	1	2
39	TN13037	Công tác giáo dục của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	3	3	0
40	TN13038	Phương pháp công tác Hội	3	2	1
41	TN13039	Phương pháp công tác thiếu nhi	3	1	2
42	TN13040	Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh	3	1	2
43	TN14041	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh niên	3	1	2
44	TN13042	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thiếu nhi	3	1	2
45	TN13045	Thực tập công tác thanh niên	4	0	4
46	TN13046	Thực tập công tác thiếu nhi	3	0	3

Các học phần chuyên ngành bắt buộc			4	4	0
47	TN13047	Chính sách, pháp luật về thanh thiếu nhi	2	2	0
48	TN13043	Các vấn đề xã hội của thanh niên	2	2	0
49	TN15048	Phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh	2	2	0
50	TN15049	Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác thanh niên	2	2	0
51	TN15050	Hợp tác quốc tế về công tác thanh niên	2	2	0

11.4. Thực tập tốt nghiệp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bổ TC	
				LT	TH
52	TN14051	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
53	TN15052	Khoá luận tốt nghiệp/học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp	6	3	3

Ghi chú:TC: tín chỉ, LT: lý thuyết, TH: thực hành

11.3. Kế hoạch đào tạo theo năm

Năm thứ nhất

TT	Học kỳ 1	Phân bổ		Học kỳ 2	Phân bổ	
		LT	TH		LT	TH
1	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	0	Triết học Mác-Lênin	3	0
2	Lịch sử Đoàn, Hội, Đội và phong trào thanh thiếu nhi	3	0	Thống kê trong khoa học xã hội	1	1
3	Kỹ năng truyền thông	1	1	Pháp luật học đại cương	2	0
4	Tin học đại cương	1	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1	1
5	Tâm lý học đại cương	2	0	Kỹ năng thuyết trình	1	1
6	Xã hội học đại cương	1	1	Khởi nghiệp trong thanh niên	2	0
7	Vũ Quốc tế	1	1	Âm nhạc đại cương	1	1
	Tổng	16		Tổng	15	

Năm thứ hai

TT	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	0
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị	2	0
3	Tâm lý học phát triển	2	0	Múa hát tập thể	1	2
4	Lý luận chung về công tác thanh thiếu niên	3	0	Các vấn đề xã hội của thanh niên	2	0
5	Xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	3	1	Khoa học quản lý	2	0
6	Tiếng Anh 1	2	1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	0
7				Tiếng Anh 2	1	2
		Tổng		16	Tổng	
					16	

Năm thứ ba

TT	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
1	Phương pháp công tác Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	1	2	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh niên	1	2
2	Xây dựng các tổ chức thanh niên	1	1	Xây dựng Đội TNTP Hồ Chí Minh	1	1
3	Quản lý nhà nước về công tác thanh thiếu niên	3	0	Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh	1	2
4	Chính sách, pháp luật về thanh thiếu nhi	2	0	Phương pháp nắm bắt, định hướng dư luận xã hội thanh niên	2	0
5	Phương pháp công tác thiếu nhi	1	2	Thực tập công tác thanh niên	1	3
6	Tiếng Anh 3	1	1	Thực tập công tác thiếu nhi	1	2
		Tổng		15	Tổng	
					17	

Năm thứ tư

TT	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
1	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thiếu nhi	1	2	Thực tập tốt nghiệp	0	4
2	Công tác giáo dục của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	3	0	Khóa luận tốt nghiệp hoặc môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	0
3	Phương pháp công tác Hội	2	1	<i>Phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh</i>	2	0
4	Tổ chức sự kiện	1	2	<i>Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác thanh niên</i>	2	0
5	Giáo dục kỹ năng sống cho thanh thiếu nhi	1	2	<i>Hợp tác quốc tế về công tác thanh niên</i>	2	0
Tổng		15		Tổng	10	

12. Mô tả nội dung các học phần trong chương trình đào tạo

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
1	Triết học Mác-Lênin	Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chủ nghĩa duy vật lịch sử. Sau khi kết thúc học phần, người học nắm vững lý luận triết học Mác - Lênin; xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng, hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Kinh tế chính trị Mác-Lênin là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Đảng

		cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.
6	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.
7	Xã hội học đại cương	Xã hội học đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: Chương 1, những vấn đề chung về xã hội học gồm đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của xã hội học và mối quan hệ giữa xã hội học với các môn học khác, sự ra đời và phát triển của xã hội học, các khái niệm hành về động xã hội, tương tác xã hội, cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, bất bình đẳng xã hội và xã hội hóa; Chương 2, cung cấp cho sinh viên các phương pháp nghiên cứu và các bước tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; Chương 3 môn học đi sâu vào nghiên cứu một số lĩnh vực chuyên biệt đó là xã hội học thanh niên và xã hội học về du luận xã hội.

8	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.
9	Khoa học quản lý	Khoa học quản lý là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về khoa học quản lý như cơ sở hình thành hoạt động quản lý và ngành khoa học quản lý; các quan niệm, vai trò và các yếu tố cấu thành của một hệ thống quản lý, các nhân tố tác động đến hiệu quả quản lý tổ chức, các đặc điểm của khoa học quản lý; Các lịch sử tư tưởng và lý thuyết quản lý từ phương Đông, phương Tây thời kỳ cổ đại, trung đại và hiện đại; Học phần mô tả các hoạt động trong hệ thống quản lý bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo điều hành, quản lý nhân lực, kiểm soát. Các nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý; Phân tích và thiết kế tổ chức; Thông tin trong quản lý; Quyết định quản lý và nhà lãnh đạo trong quản lý tổ chức. Từ đó hình thành thái độ đúng khi trở thành thành viên trong các tổ chức, có những hành vi, ứng xử phù hợp khi quản lý là tất yếu của tổ chức.
10	Thống kê trong khoa học xã hội	Thống kê trong khoa học xã hội là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về lý thuyết thống kê, các ứng dụng của thống kê; phương pháp thống kê mô tả và thống kê suy diễn; các kiến thức sử dụng phần mềm thống kê; ứng dụng kiến thức lý thuyết đã học trong thực hành bằng phần mềm thống kê. Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên vận dụng được phương pháp chọn lọc, xây dựng các bảng dữ liệu thống kê từ các nguồn khác nhau; giải thích được các số liệu và kết quả xử lý thống kê trong nghiên cứu; ứng dụng được tối thiểu một phần mềm thống kê trong xử lý dữ liệu nghiên cứu thực tế.
11	Khởi nghiệp trong	Khởi nghiệp trong thanh niên là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương,

	thanh niên	học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề phương pháp luận và phương pháp cụ thể về quá trình khởi nghiệp trong thanh niên. Các vấn đề lý luận về khởi nghiệp trong thanh niên tập trung vào các con đường mưu sinh cơ bản như: làm chủ, đầu tư, thực hiện kinh doanh theo hình thức nền kinh tế chia sẻ... Đồng thời, với quan điểm khởi nghiệp sáng tạo, thì khởi nghiệp trong thanh niên cũng có thể hiểu là tạo ra nhưng sản phẩm đột phá, sử dụng những công nghệ mới, xây dựng các mô hình kinh doanh mới nhằm khơi gợi các giá trị tiềm ẩn và có thể lặp lại được, mở rộng. Vì vậy, mục tiêu kiến thức của học phần là giúp sinh viên xây dựng những lý luận cơ bản cho thanh niên bắt đầu các hoạt động khởi nghiệp theo các cách khởi nghiệp truyền thống. Đồng thời giúp sinh viên hiểu được những vấn đề cốt lõi trong việc lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp, lập dự án khởi nghiệp trong thanh niên và điều hành dự án khởi nghiệp trong thanh niên.
12	Pháp luật học đại cương	Pháp luật đại cương là một môn khoa học cơ sở, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng. Từ đó giúp cho sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ta. Đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cụ thể, giúp cho sinh viên hiểu biết hơn về pháp luật để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.
13	Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống chính trị, đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam; mục tiêu, quan điểm, giải pháp xây dựng hệ thống chính trị Việt Nam trong giai đoạn hiện nay; vai trò, nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị; vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đặc biệt vai trò của Đoàn TNCS trong hệ thống chính trị.
14	Tin học đại cương	Tin học đại cương là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thông tin, dữ liệu, phần mềm, hệ điều hành Windows, kiến trúc máy tính; kiến thức cơ bản về Internet, cách phân biệt hệ thống mạng, chia sẻ tài nguyên mạng và khai thác thông tin, tài nguyên trên mạng nhằm mục đích tự trang bị cho bản thân phương pháp học tập công nghệ mới; các kỹ năng cơ bản trong việc

		thao tác, sử dụng một số phần mềm thông dụng như Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint.
15	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thông dụng nhất về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, văn bản và giao tiếp tiếng Anh. Môn học không đi sâu mô tả và phân tích các yếu tố ngôn ngữ và văn hóa mà thông qua bài học giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những yếu tố văn học, ngôn ngữ thông dụng nhất để phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống thông dụng, phù hợp và linh hoạt trong từng ngữ cảnh cụ thể. Đồng thời môn học cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc hiểu và viết cơ bản.
16	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Trên cơ sở kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh mà sinh viên đã học ở học phần Tiếng Anh 1, học phần Tiếng Anh 2 bổ sung, ôn lại các cấu trúc ngữ pháp đã học trong học phần trước, tiếp tục giới thiệu các cấu trúc ngữ pháp mới và tăng cường vốn từ vựng với mức độ cao hơn nhằm vào các mục tiêu giúp sinh viên sử dụng Tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn.
17	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các nội dung kiến thức tiếng Anh chuyên ngành Luật và các kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ trung cấp. Các chủ đề chính bao gồm: legal systems (hệ thống pháp luật), legal professionals (chuyên gia pháp lý), civil law (luật dân sự), criminal law (luật hình sự), business law (luật doanh nghiệp), contract (hợp đồng), employment law (luật lao động), economic law (luật kinh tế), commercial law (luật thương mại) và international law (luật quốc tế). Ngoài ra, sinh viên còn được tiếp cận với nhiều chủ đề hữu ích, quen thuộc khác trong lĩnh vực Luật học ở các bài học mở rộng (phần tự học). Các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy độc lập, logic, tích cực và năng động được chú trọng thông qua các hoạt động nghe, nói, đọc, viết, dịch.

18	Vũ Quốc tế	Vũ quốc tế là học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn khiêu vũ. Cụ thể, học phần hướng dẫn người học những kỹ thuật cơ bản được quốc tế hóa của một số điệu nhảy: Ba cha ta, SamBa, Rumba, ChaChaCha, Slow waltz, Tango và một số điệu nhảy khiêu vũ tập thể (Macarena, Bachata,...). Bên cạnh đó, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về giao tiếp văn hóa nghệ thuật, nâng cao năng lực thẩm mỹ cho sinh viên.
19	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Cơ sở văn hoá Việt Nam là học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cơ sở hình thành và phát triển của nền văn hóa Việt Nam. Môn học được chia làm 4 nội dung lớn, sắp xếp theo một trình tự logic, phù hợp với phát triển tư duy của người học. Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến: Các khái niệm cơ bản (Khái niệm văn hóa, văn minh, môi trường tự nhiên, xã hội, tiếp xúc và giao lưu văn hóa); Cấu trúc, thiết chế và chức năng của văn hóa (các hình thái và mô hình văn hóa, những thành tố của văn hóa, chức năng và cấu trúc của văn hóa); Diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam (từ thời tiền sử đến nay); Không gian văn hóa Việt Nam (các vùng văn hóa Tây Bắc, Việt Bắc, đồng bằng Bắc bộ, Trung bộ, Tây Nguyên, Nam bộ).
20	Tâm lý học phát triển	Nội dung học phần Tâm lý học phát triển đề cập đến những kiến thức cơ bản về lý luận của sự phát triển tâm lý người, các quy luật chung của sự phát triển tâm lý cá nhân, đồng thời cung cấp những kiến thức cụ thể về các điều kiện phát triển tâm lý và các đặc điểm tâm lý cơ bản ở từng giai đoạn lứa tuổi khác nhau. Từ đó, sinh viên có cách nhìn khoa học về những thuận lợi, khó khăn của từng giai đoạn lứa tuổi và có cách ứng xử phù hợp trong cuộc sống và trong hoạt động nghề nghiệp sau này.
21	Các vấn đề xã hội của thanh niên	Học phần Các vấn đề xã hội của thanh niên trang bị cho sinh viên những yêu cầu đặt ra, giải pháp và mô hình tăng cường Đoàn kết tập hợp thanh niên trong giai đoạn hiện nay cũng như việc đấu tranh phòng ngừa diễn biến hòa bình trong thanh thiếu niên; Tác động của thông tin truyền thông đến thanh thiếu niên và phương thức tập hợp thanh niên thông qua mạng xã hội, Hướng dẫn sử dụng mạng xã hội. Từ đó, hình thành cho sinh viên các kỹ năng, phương thức hoạt động hiệu quả trong tổ chức phong trào công tác thanh thiếu niên.

22	Lý luận chung về công tác thanh thiếu niên	<p>Học phần Lý luận chung về công tác thanh thiếu niên là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành đào tạo Công tác thanh thiếu niên. Học phần trang bị cho người học những kiến thức nền tảng thuộc cơ sở lí luận về công tác thanh thiếu niên, đó là: Hệ thống các khái niệm cơ bản liên quan đến thanh thiếu niên và công tác thanh thiếu niên; Những vấn đề lý luận cốt lõi của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về thanh thiếu niên và công tác thanh thiếu niên. Đây được coi là những nội dung tri thức lí luận nền tảng mang tính nguyên tắc, kim chỉ nam định hướng quá trình nhận thức, vận dụng triển khai trong thực tiễn đời sống và công tác chuyên môn của người học, giúp người học nhìn nhận, đánh giá, tổ chức triển khai những hoạt động liên quan đến tình hình thanh thiếu niên và công tác Đoàn, Hội, Đội, phong trào thanh thiếu nhi một cách khách quan, đúng đắn, hiệu quả.</p>
23	Quản lý nhà nước về công tác thanh thiếu niên	<p>Học phần Quản lý nhà nước về công tác thanh thiếu nhi là một môn khoa học chuyên ngành nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành công tác thanh thiếu niên tại Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản về những khái niệm và nguyên tắc trong quản lý nhà nước về công tác thanh thiếu nhi; Chính sách phát triển thanh niên; Bộ máy quản lý nhà nước về công tác thanh niên; Đặc điểm, nội dung, phương thức quản lý nhà nước về công tác thanh niên; Nhà nước và việc cung cấp các dịch vụ thiếu nhi; Hoạt động truyền thông và đào tạo bồi dưỡng nhân lực trong quản lý nhà nước về công tác thiếu nhi. Qua đó, cung cấp kiến thức chuyên ngành công tác thanh thiếu nhi và quản lý nhà nước, góp phần hình thành kỹ năng và thái độ phù hợp cho sinh viên, vận dụng vào chuyên ngành học, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.</p>

24	Lịch sử Đoàn, Hội, Đội và phong trào thanh thiếu nhi	<p>Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành đào tạo Công tác thanh thiếu niên. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời, hình thành và phát triển của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các phong trào thanh thiếu nhi, các cuộc vận động, các chương trình hoạt động tiêu biểu của thanh thiếu nhi qua các thời kì cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự dẫn dắt định hướng của các tổ chức thanh thiếu nhi kể trên từ khi thành lập đến nay. Học phần giúp người học hiểu được những thành tích, đóng góp to lớn, những truyền thống vinh quang của các tổ chức Đoàn, Hội, Đội và những bài học kinh nghiệm quý báu của phong trào thanh thiếu nhi trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ đầu thế kỉ XX đến nay. Từ đó, người học được bồi dưỡng về lòng yêu nước, tự hào dân tộc, tự hào về sự lớn mạnh, phát triển của các tổ chức Đoàn, Hội, Đội và các phong trào thanh thiếu nhi đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; hình thành thái độ học tập đúng đắn, tinh thần tự lực, tự cường và trách nhiệm cao đối với thành quả cách mạng mà các thế hệ cha anh đã gây dựng; phát huy tính tích cực, tự giác, xung kích tình nguyện tham gia các phong trào hành động cách mạng do tổ chức Đoàn, Hội, Đội tổ chức; biết vận dụng kiến thức và kinh nghiệm trong phát động, tổ chức triển khai các phong trào thanh thiếu nhi một cách hiệu quả tại địa phương, cơ sở.</p>
25	Kỹ năng truyền thông	<p>Học phần Kỹ năng truyền thông cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về truyền thông. Sinh viên có thể nắm vững các kiến thức về truyền thông, nguyên tắc truyền thông cơ bản và vận dụng các kỹ năng cơ bản như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng hội họp, kỹ năng giao tiếp nơi công sở, làm việc nhóm và kỹ năng viết CV, kỹ năng phỏng vấn vào phục</p>

		vụ mục tiêu học tập, công tác và trong công tác thanh thiếu nhi.
26	Xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Học phần Công tác tổ chức xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên có hệ thống những kiến thức cơ bản về đối tượng và những cơ sở khoa học về công tác tổ chức xây dựng Đoàn; Những vấn đề cơ bản về Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Những nội dung nghiệp vụ cơ bản về công tác đoàn viên, công tác cán bộ đoàn, công tác xây dựng tổ chức cơ sở đoàn, công tác Đoàn tham gia xây dựng Đảng và Hệ thống chính trị, công tác tham mưu, phối hợp, chỉ đạo của Đoàn, tạo nền tảng kiến thức cho sinh viên trong nghiên cứu các môn khoa học tiếp theo của ngành công tác thanh thiếu niên và vận dụng trong thực tiễn làm việc sau này.
27	Xây dựng Đội TNTP Hồ Chí Minh	Môn Xây dựng tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh là một môn khoa học nghiên cứu về quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về xây dựng tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh; trang bị cho sinh viên những kiến thức về hệ thống tổ chức của Đội, sinh hoạt Đội, lực lượng dự bị của Đội, những vấn đề về đội viên, Ban chỉ huy đội, phụ trách Đội, công tác kiểm tra, khen thưởng và kỉ luật của Đội TNTP Hồ Chí Minh.
28	Xây dựng các tổ chức thanh niên	Học phần cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam; Hội Sinh viên Việt nam; Các tổ chức theo nghề nghiệp và sở thích của thanh niên Việt Nam (Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam; Hội Thầy thuốc trẻ Việt Nam; Hội Trí thức Khoa học và Công nghệ trẻ Việt nam); Một số Câu lạc bộ tiêu biểu (Câu lạc bộ Thanh niên khuyết tật Việt Nam; Câu lạc bộ nghệ sỹ trẻ Việt Nam). Đồng thời, giúp người học nắm được quy trình thành lập, duy trì hoạt động và phát triển các tổ chức thanh niên, phát huy vai trò của

		thanh niên và các tổ chức thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
29	Giáo dục kỹ năng sống cho thanh thiếu nhi	Học phần trang bị cho người học những vấn đề chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho thanh thiếu nhi. Đồng thời, học phần cũng đề cập đến những nội dung cụ thể nhằm hình thành kỹ năng sống cho người học như năng tự nhận thức; kỹ năng xác định mục tiêu; kỹ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề; kỹ năng ứng phó với căng thẳng.
30	Phương pháp nắm bắt, định hướng dư luận xã hội thanh niên	Học phần Phương pháp nắm bắt, định hướng dư luận xã hội thanh niên trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò, chức năng của dư luận xã hội. Đồng thời người học có thể nắm được các phương pháp, mục tiêu nắm bắt định hướng dư luận cho thanh niên hiện nay và vận dụng sáng tạo trong công tác.
31	Âm nhạc đại cương	Học phần Âm nhạc đại cương cung cấp cho người học các kiến thức đại cương về âm nhạc như: Lịch sử hình thành và phát triển của âm nhạc thế giới, âm nhạc Việt Nam; Các thể loại âm nhạc; Hệ thống lý thuyết âm nhạc cơ bản. Sau khi học xong học phần này, người học sẽ hiểu được các kiến thức âm nhạc cơ bản, đọc được những bản nhạc đơn giản, qua đó làm nền tảng để phát triển năng khiếu, sở thích và thi hiệu cá nhân, vận dụng vào tổ chức các hoạt động công tác Đoàn và phong trào thanh niên.
32	Múa hát tập thể	Trang bị cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về nghệ thuật thực hành múa: giúp sinh viên nắm bắt được chính xác về lý thuyết, hiểu và thực hành chính xác được những động tác múa cơ bản. Nắm bắt được đặc trưng và tính chất từng điệu múa của các dân tộc, thực hành nhuần nhuyễn các điệu múa đã được học trong chương trình. Sinh viên nắm vững những kiến thức lý thuyết cơ bản, hiểu rõ môn học và ứng dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Từ đó sinh viên thực hành được chính xác các tư thế tay chân, dáng người, vẻ mặt. Cảm

		thụ âm nhạc của từng dân tộc để thực hiện vào các động tác cơ bản. Vận dụng từ các động tác cơ bản để biên đạo, dàn dựng thành các tổ hợp hoặc các tác phẩm.
33	Phương pháp công tác Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát trong phương pháp công tác Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực tổ chức, xây dựng phong trào, kiểm tra giám sát hoạt động, công tác hành chính văn phòng. Trang bị các kiến thức cơ bản về công tác kiểm tra, giám sát của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Từ đó sinh viên hiểu những nội dung cơ bản về lý luận và thực tiễn, những đặc điểm, quan điểm cơ bản, chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của công tác kiểm tra, giám sát của Đoàn. Những yêu cầu về xây dựng mô hình và phong trào thanh niên, cơ sở khoa học của quá trình xây dựng mô hình và tổ chức các phong trào thanh niên, góp phần hình thành kỹ năng tham mưu, thiết kế tổ chức triển khai thực hiện các mô hình, các phong trào, các chương trình hành động cách mạng, các công trình thanh niên cho đội ngũ cán bộ đoàn. Nắm được quy trình tổ chức, các thao tác cơ bản của kỹ năng xây dựng mô hình, tổ chức một phong trào thanh niên, từ đó vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể tại địa phương, đơn vị.
34	Công tác giáo dục của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Học phần Công tác giáo dục của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của chuyên ngành Công tác thanh thiếu niên. Học phần giúp trang bị cho người học tri thức về những vấn đề cơ bản trong Công tác giáo dục của Đoàn, bao gồm: hệ thống các khái niệm cơ bản, vai trò của tổ chức Đoàn trong giáo dục đoàn viên thanh niên, vai trò của công tác giáo dục của Đoàn, các mục tiêu, nguyên tắc, các yêu cầu cơ bản trong công tác giáo dục của Đoàn. Đặc biệt học phần trang bị cho người học hệ thống các nội dung giáo dục cốt lõi của Đoàn, các phương thức giáo dục đặc trưng của Đoàn, các mô hình

		giáo dục thanh niên tiêu biểu trong thực tiễn hoạt động của tổ chức Đoàn hiện nay. Qua đó, học phần giúp hình thành cho người học năng lực vận dụng kiến thức cơ bản để nhìn nhận đúng đắn về hoạt động giáo dục thanh thiếu niên, tổ chức và triển khai có hiệu quả các hoạt động giáo dục đoàn viên thanh niên tại các cấp bộ Đoàn ở địa phương, cơ sở.
35	Phương pháp công tác Hội	Môn học Phương pháp công tác Hội giúp cho sinh viên nắm được: các quy định, quy tắc, nguyên lí, nguyên tắc trong hoạt động của các hội, những kiến thức cơ bản về quy trình thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong tổ chức, hoạt động của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam. Từ đó, trang bị cho sinh viên hệ thống các kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong tổ chức, hoạt động Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam và các hội nghề nghiệp của thanh niên Việt Nam.
36	Phương pháp công tác thiếu nhi	Môn phương pháp công tác thiếu nhi trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn về phương pháp công tác thiếu nhi, những khái niệm cơ bản về thiếu nhi. Không những thế, môn học còn chỉ rõ vị trí, vai trò của tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh, của Phụ trách thiếu nhi trong công tác thiếu nhi. Đồng thời cung cấp những kiến thức về nguyên tắc tổ chức các hoạt động giáo dục thiếu nhi, nội dung và hình thức hoạt động giáo dục thiếu nhi, phương pháp công tác thiếu nhi, phương pháp công tác của người phụ trách thiếu nhi nhằm giúp phụ trách Đội, phụ trách thiếu nhi tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục thiếu nhi trong nhà trường và ở địa bàn dân cư.
37	Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh	Học phần Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh trang bị cho sinh viên hiểu rõ về mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học và những vấn đề cơ bản về Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh. Phân tích được nội dung về Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh.

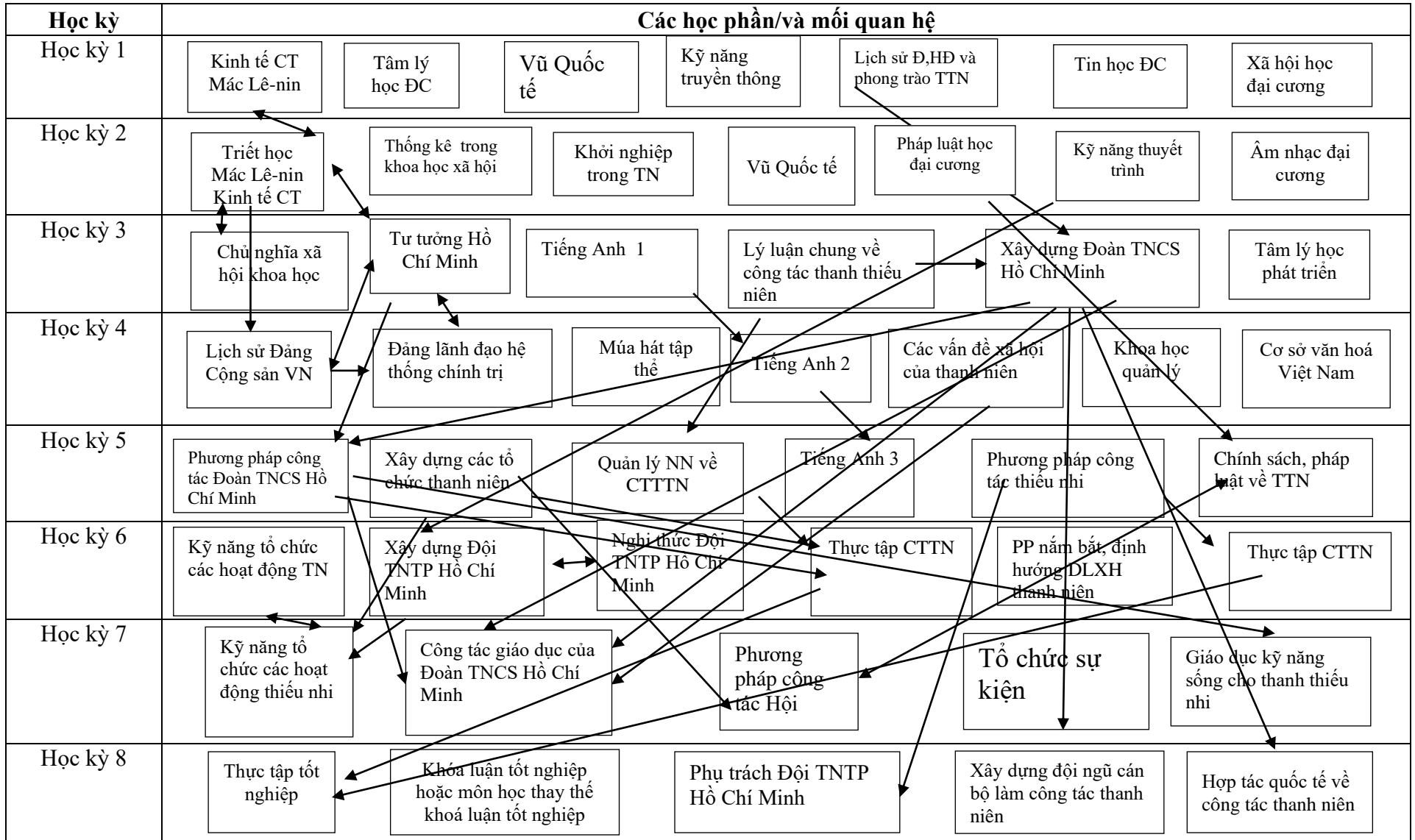
		<p>Minh. Từ đó, sinh viên thực hiện thành thạo những nội dung của Nghị thức Đội TNTP Hồ Chí Minh. Hướng dẫn thực hành đúng nội dung Nghị thức Đội TNTP Hồ Chí Minh. Vận dụng Nghị thức Đội TNTP Hồ Chí Minh vào hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh.</p>
38	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh niên	<p>Học phần Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh niên cung cấp cho sinh viên các tri thức cơ bản về Kỹ năng tổ chức hoạt động; chức năng và vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của kỹ năng tổ chức hoạt động trong công tác thanh niên. Biết Phân tích được cấu trúc kỹ năng tổ chức hoạt động và hiểu quy trình tổ chức hoạt động trong công tác thanh niên. Từ đó sinh viên có thể vận dụng thành thực quy trình tổ chức các hoạt động thanh niên và xây dựng chương trình, kế hoạch, thiết kế và tổ chức được các hoạt động trong công tác thanh niên. Qua đó hình thành thái độ làm việc có trách nhiệm, chuyên nghiệp trong tổ chức hoạt động thanh niên.</p>
39	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thiếu nhi	<p>Môn học kỹ năng tổ chức các hoạt động thiếu nhi là môn khoa học cung cấp kiến thức cơ bản về: Cách tiến hành, quy trình tổ chức các hoạt động trò chơi, hội trại, hội thi, Nhà thiếu nhi, câu lạc bộ thiếu nhi, thiết kế các hoạt động thiếu nhi và thăm quan dã ngoại thiếu nhi. Thực hành được các kiến thức trên và trở thành kỹ năng để vận dụng vào quá trình tổ chức hoạt động cho thiếu nhi qua đó sinh viên có thể thiết kế và tổ chức các hoạt động phong trào cho thiếu niên nhi đồng ở cơ sở.</p>
40	Kỹ năng thuyết trình	<p>Học phần Kỹ năng thuyết trình trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thuyết trình, đồng thời giúp người học hoàn thiện kỹ năng thuyết trình trong thực tế công việc và cuộc sống của mình. Người học được cung cấp kiến thức và kỹ năng về những vấn đề tổng quan về thuyết trình; các bước chuẩn bị cho một bài thuyết trình; trình tự một bài thuyết</p>

		trình và các kỹ năng ứng dụng trong quá trình thuyết trình.
41	Tổ chức sự kiện	Môn học Tổ chức sự kiện trang bị những kiến thức cơ bản nhất về sự kiện và tổ chức sự kiện, về nghề tổ chức sự kiện, nắm vững các nguyên tắc tổ chức sự kiện chuyên nghiệp để truyền đạt có hiệu quả thông điệp của tổ chức, doanh nghiệp đến công chúng. Đồng thời, người học cũng được biết về quy trình quản lý rủi ro trong sự kiện và được học các kỹ năng phân tích, đánh giá, kỹ năng xử lý tình huống.
42	Thực tập công tác thanh niên	Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng, phương pháp thực hành nghiệp vụ công tác Đoàn, Hội. Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để tổ chức các hoạt động của thanh niên và tổ chức Đoàn, Hội cũng như các tổ chức chính trị - xã hội khác; Biết tham mưu, đề xuất với lãnh đạo về chương trình, kế hoạch và huy động nguồn lực tổ chức thực hiện các công tác thông tin tuyên truyền, hoạt động quần chúng, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao đáp ứng nhu cầu, quyền và lợi ích chính đáng của đoàn viên, thanh niên.
43	Thực tập công tác thiếu nhi	Học phần Thực tập công tác thiếu nhi giúp cho sinh viên rèn luyện kỹ năng thực hành nghiệp vụ công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh; Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để tổ chức các hoạt động thiếu nhi; Biết tham mưu, đề xuất về chương trình, kế hoạch và huy động nguồn lực tổ chức thực hiện các công tác thông tin tuyên truyền, hoạt động quần chúng, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thiếu nhi.
44	Chính sách, pháp luật về thanh thiếu	Chính sách, pháp luật về thanh thiếu nhi là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành, học phần cung cấp các kiến thức pháp lý- thực tiễn về những vấn đề chính sách,

	nhi	pháp luật liên quan đến thanh niên và trẻ em, bao gồm: phát triển thanh niên, quản lý nhà nước về công tác thanh niên, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em,... Ngoài ra, học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về tâm lý thanh niên, trẻ em, phương pháp làm việc cùng thanh niên và trẻ em trên thực tế. Trong quá trình học tập, sinh viên sẽ được hướng dẫn tìm hiểu về khái niệm, bản chất đặc thù, nội dung cơ bản của pháp luật về thanh niên và trẻ em cũng như những vấn đề về chính sách, pháp luật liên quan đến các đối tượng này đang đặt ra trên thực tế.
45	Phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh	Môn học phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh là môn học trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về phương pháp công tác của người phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh, Hội đồng Đội các cấp, đồng thời vận dụng các kiến thức đã được trang bị vào chỉ đạo, tổ chức các hoạt động cho tổ chức Đội và thiếu nhi ở cơ sở
46	Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác thanh niên	Học phần Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác thanh niên là một môn khoa học chuyên ngành nằm trong nhóm các môn tự chọn thay thế môn tốt nghiệp chuyên ngành công tác thanh thiếu niên tại Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản về hệ thống khái niệm của môn học; Vai trò, chức năng, nhiệm vụ, đặc trưng cũng như những yêu cầu về phẩm chất, nhân cách của người cán bộ làm công tác thanh niên; Kỹ năng, nghiệp vụ cán bộ làm công tác thanh niên; Quan điểm, mục tiêu, nội dung xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác thanh niên. Qua đó, góp phần hình thành kỹ năng và thái độ phù hợp cho sinh viên, vận dụng vào chuyên ngành học, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.
47	Hợp tác quốc tế về	Học phần Hợp tác quốc tế về công tác thanh niên là một môn khoa học chuyên ngành nằm

	công tác thanh niên	trong nhóm các môn tự chọn thay thế môn tốt nghiệp chuyên ngành công tác thanh thiếu niên tại Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản về: nội dung, nguyên tắc, phương thức hợp tác quốc tế về công tác thanh niên; Giới thiệu mô hình tổ chức thanh niên của các nước trên thế giới; Môi quan hệ hợp tác quốc tế của các tổ chức thanh niên ở Việt Nam với tổ chức thanh niên các nước trên thế giới. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về công tác thanh niên và phong trào thanh niên; trong tổ chức, hoạt động của các tổ chức thanh niên. Từ đó, người học sẽ có kỹ năng làm việc để thích ứng và hòa nhập nhanh với thực tiễn nghề nghiệp ngay cả khi học tập, thực tập và sau khi ra trường.
48	Thực tập tốt nghiệp	Thực tập tốt nghiệp là hình thức tổ chức đưa sinh viên xuống các cơ sở thực tập để tập làm các công việc của một người vận dụng kiến thức luật vào các công việc được giao trong một thời gian nhất định. Trong học phần này, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về nghề luật để tác nghiệp tại một đơn vị. Thông qua đó tiếp cận với môi trường thực tế để tìm hiểu và lên kế hoạch thực hiện một, một số nhiệm vụ cụ thể, hiểu và vận dụng được các quy định của pháp luật về nghề luật, các quy tắc đạo đức, ứng xử của nghề luật đã được học vào thực tiễn đạo đức, ứng xử của nghề luật đã được học vào thực tiễn.
49	Khóa luận tốt nghiệp	Theo quy định chung của Học viện

13. SƠ ĐỒ CÁC HỌC PHẦN VÀ MỐI QUAN HỆ



Ghi chú: Môn học có mũi tên xuất phát có nội dung làm nền tảng cho môn học có mũi tên đến. Mũi tên hai chiều thể hiện các môn học có nội dung liên quan, hỗ trợ cho nhau.

14. Ma trận liên kết giữa mục tiêu CTĐT (PO) và Chuẩn đầu ra (PLO)

Mục tiêu Chuẩn đầu ra	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
PLO1	X					
PLO2	X	X	X	X	X	X
PLO3		X	X	X	X	X
PLO4		X	X	X	X	X
PLO5		X	X	X	X	X
PLO6		X	X	X		
PLO7		X	X	X	X	
PLO8		X	X	X	X	
PLO9		X	X	X	X	X
PLO10		X	X	X	X	X
PLO11		X	X	X	X	X
PLO12					X	X
PLO13					X	X
PLO14					X	X
PLO15		X	X	X	X	X
PLO16		X	X	X	X	X

Chú thích:

- Chỉ ghi mã mục tiêu và chuẩn đầu ra , không ghi nội dung cụ thể và chuẩn đầu ra
- Đánh dấu X vào các ô để thể hiện sự tương thích giữa chuẩn đầu ra của CTĐT và mục tiêu của CTĐT

PHỤ LỤC 1

THANG ĐO ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC KIẾN THỨC, KỸ NĂNG VÀ MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM

Lĩnh vực về nhận thức	Bloom, 1956	- Ghi nhớ (khả năng khôi phục, ghi nhận và nhớ lại kiến thức có liên quan. Hay nói cách khác, ghi nhớ là khi sinh viên có thể nhắc lại các thông tin, kiến thức đã học)	- Hiểu (khả năng diễn đạt ý nghĩa của thông điệp bằng miệng, văn bản hay hình ảnh. Hiểu không chỉ đơn thuần là nhắc lại một thông điệp nào đó. Chúng ta cần thể hiện sự hiểu biết của mình thông qua diễn giải, nêu gương, phân loại, tóm tắt, suy luận, so sánh và giải thích)	- Áp dụng (khả năng vận dụng các thông tin, kiến thức đã học vào một tình huống, thí nghiệm nào đó)	- Phân tích (khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể)	- Đánh giá (khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể)	- Sáng tạo (khả năng ghép các kiến thức, thông tin đã có lại với nhau để tạo thành một cấu trúc hay định lý mới)
		K1	K2	K3	K4	K5	K6
Lĩnh vực về tâm vận động (kỹ năng)	Dave, 1975	- Bắt chước có quan sát: Quan sát và lặp lại có sự hiện diện của nguồn mẫu	- Làm lại theo cấu trúc nội tâm: Làm được khi được hướng dẫn	- Chính xác hóa hoạt động của cơ bắp: Thể hiện lại một cách chính xác các hoạt động, thao tác mà không có nguồn mẫu	- Hoàn thiện thứ tự các hoạt động: Hai hoặc nhiều kỹ năng được kết hợp có trình tự và được thực hiện một cách nhất quán	- Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới: Hai hoặc nhiều kỹ năng được kết hợp có trình tự và thực hiện nhất quán, dễ dàng. Tự động thể hiện được với ít sự gắng sức về thể chất hoặc tinh thần	
		S1	S2	S3	S4	S5	
Lĩnh vực về cảm xúc	Krathwohl, Bloom & Masia, 1973	Chú ý lắng nghe, quan sát và cảm nhận	- Tiếp nhận hiện tượng: Tham gia vào các hoạt động học tập một cách tích cực thông qua trao đổi, giao tiếp, báo cáo...	- Phản ứng với hiện tượng: Nhận thấy giá trị của các yếu tố trong học tập và làm việc và thể hiện ra ngoài bằng cách hành động cụ thể nhằm cải thiện, nâng cao	- Chấp nhận giá trị (Valuing): Nhận ra giá trị cao nhất và tạo ra những hệ thống có giá trị nhất so với các giải pháp khác.	- Tổ chức, Ứng xử: Biến những giá trị thực tiễn thành động lực điều chỉnh hành vi.	

				chất lượng			
		A1	A2	A3	A4	A5	

PHỤ LỤC 2

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

Rubrics 1. Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học ~7% so với quy định (1-2 tiết/30tiết)	Vắng học ~14% so với quy định (3-4 tiết)	Vắng học ~20% so với quy định (5-6 tiết)	Vắng học quá 20% số giờ theo quy định	50%
Vào lớp học đúng giờ	Luôn đi học đúng giờ	Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Vào lớp muộn 3-4 buổi	Vào lớp muộn 5-6 buổi	Vào lớp muộn >6 buổi	20%
Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,...)	Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (N được tính 100% hoạt động)	Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75%N hoạt động)	Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~50%N hoạt động)	Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~25%N hoạt động)	Không tham gia các hoạt động trên lớp	15%
Thực hiện nhiệm vụ tự học (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà,...)	Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài), nộp bài tập đúng hạn	Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài), nộp bài tập không đúng hạn	Làm được 50% bài tập cá nhân (1 bài), nộp bài tập không đúng hạn	Làm được 50% bài tập cá nhân (1 bài), nộp bài tập không đúng hạn	Không nộp bài tập cá nhân trên hệ thống; bài tập sao chép, đạo văn.	15%

Rubrics 2. Tiêu chí đánh giá tiểu luận, báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Phần mở đầu	Ngắn gọn, đầy đủ, rõ ràng, chính xác	Rõ ràng, đầy đủ, chính xác	Chính xác	Chưa chính xác	Không có phần mở đầu	10%
Phần lý luận	Ngắn gọn, đầy đủ, có nhiều trích dẫn rõ ràng	Ngắn gọn, đầy đủ, có trích dẫn rõ ràng	Đầy đủ, không có trích dẫn	Chưa đầy đủ, không có trích dẫn	Chép tài liệu nhiều mà không có trích dẫn	25%
Phần thực tiễn	Thực tiễn phong phú, phân tích thuyết phục, chỉ rõ các hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân, có minh chứng, trích dẫn đầy đủ	Phân tích thuyết phục, chỉ rõ các hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân, có minh chứng, trích dẫn đầy đủ	Phân tích làm rõ một số hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân, có minh chứng, trích dẫn	Thực tiễn nghèo nàn, phân tích chưa thuyết phục, phân phân tích hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân chưa thuyết phục	Phần thực tiễn viết không có bố cục rõ ràng	30%
Phần kiến nghị	Giải pháp toàn diện, có đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn	Giải pháp có đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn	Giải pháp chưa có đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn, hạn chế về ý nghĩa lý luận và thực tiễn	Giải pháp chưa toàn diện, chưa có cơ sở lý luận và thực tiễn, không có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn	Không có phần giải pháp hoặc giải pháp viết không có bố cục, không rõ ý	25%
Hình thức tiểu luận	Đẹp, rõ ràng, không có lỗi kỹ thuật và lỗi chính tả	Đẹp, rõ ràng, không có lỗi chính tả	Đẹp, rõ ràng, vẫn còn lỗi kỹ thuật và lỗi chính tả	Cẩu thả, còn nhiều lỗi kỹ thuật và lỗi chính tả	Không theo đúng quy chuẩn mẫu	10%

Rubrics 3. Tiêu chí đánh giá thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm.Nội dung phù hợp và chính xác.	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm.Nội dung có một số phần chưa chính xác.	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm.Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.	Chủ đề trình bày liên quan nhưng không trọng tâm.Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.	Chủ đề trình bày không liên qua, không trọng tâm.Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.	50%
Trình bày	Slide có bố cục rõ ràng, hợp lý; màu sắc hài hòa, nêu bật nội dung. Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ được trình bày dễ hiểu, thể hiện tốt nội dung.	Slide có bố cục rõ ràng, hợp lý; nêu bật nội dung. Các thuật ngữ, hình ảnh, ảnh biểu, sơ đồ được trình bày dễ hiểu, thể hiện tốt nội dung.	Slide có bố cục hợp lý; nêu bật nội dung. Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ thể hiện tốt nội dung.	Slide có bố cục hợp lý; màu sắc hài hòa. Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ thể hiện tốt nội dung.	Slide không được đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.	20%
Trả lời câu hỏi (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	Trả lời ngắn gọn, phù hợp, lập luận sắc bén.Tự tin khi trả lời.	Trả lời ngắn gọn, phù hợp. Tự tin khi trả lời.	Trả lời phù hợp. Hơi thiếu tự tin khi trả lời.	Trả lời ít liên quan đến câu hỏi.Thiếu tự tin khi trả lời.	Trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.Thiếu tự tin khi trả lời.	30%

Rubrics 4. Tiêu chí đánh giá làm việc nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tổ chức, điều hành, phát triển nhóm	Nhiệm vụ từng thành viên cụ thể, rõ ràng. Tương tác giữa các thành viên trong nhóm rất tốt	Nhiệm vụ từng thành viên cụ thể, rõ ràng. Tương tác giữa các thành viên trong nhóm tốt	Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng. Hầu như có tương tác giữa các thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ từng thành viên không rõ ràng. Chưa có tương tác giữa các thành viên trong nhóm.	Không có hoạt động nhóm	30%
Thảo luận nhóm	Tích cực, chủ động chia sẻ thông tin và tri thức. Thường xuyên đưa ra ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài.	Tích cực, chủ động chia sẻ thông tin và tri thức. Thỉnh thoảng đưa ra ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài.	Chủ động chia sẻ thông tin và tri thức. Thỉnh thoảng đưa ra ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài.	Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ ràng, không liên quan đến yêu cầu của nhóm.	Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm	40%
Hợp tác nhóm	Tham gia đầy đủ các buổi họp nhóm. Tôn trọng và chấp nhận sự khác biệt của các thành viên, khai thác được sức mạnh của sự khác biệt để đạt mục tiêu chung. Xử lý xung đột một cách tích cực, cởi mở, luôn đặt lợi ích chung của nhóm lên trên lợi ích cá nhân.	Tham gia đầy đủ các buổi họp nhóm. Khai thác được sức mạnh của sự khác biệt để đạt mục tiêu chung. Xử lý xung đột một cách tích cực, luôn đặt lợi ích chung của nhóm lên trên lợi ích cá nhân.	Vắng 1 buổi họp nhóm. Xử lý xung đột một cách tích cực, luôn đặt lợi ích chung của nhóm lên trên lợi ích cá nhân.	Vắng 2 - 3 buổi họp nhóm	Không bao giờ tham gia thảo luận trong nhóm.	30%